

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 232/2006/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế thu thập, tổng hợp, báo cáo, chia sẻ
và công bố thông tin về nợ nước ngoài****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, báo cáo, tổng hợp, chia sẻ và công bố thông tin về nợ nước ngoài.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quy chế thu thập, báo cáo, tổng hợp, chia sẻ và công bố thông tin về nợ nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Thu thập, tổng hợp, báo cáo, chia sẻ
và công bố thông tin về nợ nước ngoài**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 232/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, tổng hợp, báo cáo, chia sẻ và công bố thông tin về nợ nước ngoài của quốc gia, bao gồm:

- a) Thu thập, tổng hợp, báo cáo về tình hình ký kết vay, rút vốn, trả nợ nước ngoài của Chính phủ, của doanh nghiệp, cho vay lại và thu hồi vốn cho vay lại của Chính phủ;
- b) Chia sẻ các số liệu, tài liệu về nợ nước ngoài giữa các cơ quan có liên quan;
- c) Công bố các báo cáo về nợ nước ngoài.

Điều 2. Mục đích

1. Quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc cung cấp báo cáo, thông tin về tình hình thực hiện vay, trả nợ nước ngoài, cho vay lại, thu hồi vốn cho vay nhằm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan trong công tác quản lý nợ, tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt các nhiệm vụ đã được quy định tại Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định 134/2005/NĐ-CP).

2. Từng bước xây dựng và cập nhật kịp thời cơ sở dữ liệu về nợ nước ngoài của quốc gia nhằm phục vụ cho việc phân tích, dự báo, giám sát các chỉ số về

nợ nước ngoài, xây dựng chiến lược quốc gia về vay nợ nước ngoài, chương trình quản lý nợ trung hạn, kế hoạch vay, trả nợ nước ngoài hàng năm, các hạn mức vay nợ nước ngoài và cung cấp, công bố thông tin về nợ nước ngoài của Việt Nam.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính đối với các nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

4. Đảm bảo quyền bình đẳng trong việc tiếp cận và sử dụng thông tin về nợ nước ngoài đã được công bố công khai.

5. Tăng tính minh bạch và công khai hóa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; thống nhất các số liệu cung cấp cho các nhà tài trợ và các nhà đầu tư của cộng đồng tài chính quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được giải thích tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ sở dữ liệu về nợ nước ngoài của quốc gia” là tập hợp các số liệu, báo cáo về tình hình thực hiện, đánh giá, phân tích về nợ nước ngoài của quốc gia được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu trên các vật mang tin như các loại đĩa vi tính, băng từ, đĩa CD, DVD hoặc văn bản báo cáo.

2. “Chia sẻ thông tin về nợ nước ngoài” là việc trao đổi, cung cấp các thông tin, cơ sở dữ liệu về nợ nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm kịp thời phục vụ việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân khác; đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác vay và trả nợ nước ngoài; thống nhất thông tin cung cấp cho các nhà tài trợ và các nhà đầu tư.

3. “Công bố thông tin về nợ nước ngoài” là việc cung cấp rộng rãi ra công chúng các thông tin, dữ liệu về nợ nước ngoài một cách kịp thời, chính xác và theo đúng quy định của pháp luật.

4. “Chủ nợ chính thức” là Chính phủ các nước hoặc các cơ quan đại diện cho Chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế đa phương.

5. “Chủ nợ tư nhân” là các chủ nợ không thuộc Chính phủ hoặc khu vực công.

Điều 4. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối của Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về nợ nước ngoài của quốc gia, có trách nhiệm chủ trì lập và quản lý

cơ sở dữ liệu nợ nước ngoài của Chính phủ; tổng hợp tình hình vay, trả nợ nước ngoài của quốc gia; là cơ quan đầu mối công bố, cung cấp thông tin, tình hình vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân loại nợ nước ngoài

Nợ nước ngoài của quốc gia được thu thập, báo cáo, chia sẻ và công bố theo các tiêu chí phân loại chủ yếu sau đây:

1. Phân loại theo người đi vay:

a) Nợ nước ngoài của khu vực công: bao gồm nợ nước ngoài của Chính phủ, nợ nước ngoài (nếu có) của chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nợ nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tài chính, tín dụng nhà nước và các tổ chức kinh tế nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nhà nước) trực tiếp vay nước ngoài;

b) Nợ nước ngoài của khu vực tư nhân.

2. Phân loại theo loại hình vay: gồm vay Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vay thương mại.

3. Phân loại theo thời hạn vay: gồm vay ngắn hạn, vay trung và dài hạn.

4. Phân loại theo chủ nợ và nhóm chủ nợ:

a) Chủ nợ chính thức: gồm chủ nợ song phương là các Chính phủ hoặc cơ quan đại diện cho Chính phủ và các chủ nợ đa phương là các tổ chức tài chính quốc tế đa phương;

b) Chủ nợ tư nhân: gồm các ngân hàng thương mại; người sở hữu trái phiếu; các chủ nợ tư nhân khác.

Chương II

THU THẬP, LẬP CÁC BÁO CÁO TỔNG HỢP VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Nguyên tắc thu thập dữ liệu, lập báo cáo về nợ nước ngoài

Việc thu thập và lập các báo cáo về nợ nước ngoài phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời của số liệu,

thông tin về nợ nước ngoài được thu thập. Các cơ quan cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp;

b) Mỗi cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thu thập số liệu và lập báo cáo về nợ nước ngoài trong phạm vi trách nhiệm được phân công tại Điều 6 Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP;

c) Báo cáo về nợ nước ngoài được lập trên cơ sở tổng hợp tình hình vay và trả nợ nước ngoài theo các tiêu chí phân loại nợ nước ngoài tại Điều 5 và theo các mẫu biểu báo cáo tại các Phụ lục kèm theo Quy chế này;

d) Báo cáo tổng hợp về nợ nước ngoài do Bộ Tài chính thực hiện được lập bằng Đồng Việt Nam (VND) và Đô la Mỹ (USD) trên cơ sở tỷ giá hạch toán và báo cáo thu chi ngoại tệ do Bộ Tài chính ban hành. Các báo cáo tổng hợp do các cơ quan khác lập bằng các đồng tiền khác nhau không phải là Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ được quy đổi ra Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ theo tỷ giá quy định trong các mẫu biểu báo cáo tại các Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm thu thập và lập báo cáo

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức việc thu thập số liệu về các khoản vay nước ngoài của Chính phủ, các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh để lập và cung cấp các báo cáo về nợ nước ngoài sau đây:

- a) Báo cáo theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 8 của Quy chế này;
- b) Hạn mức vay thương mại nước ngoài của Chính phủ, tổng hợp tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm của khu vực công và của quốc gia;
- c) Lập các báo cáo và cung cấp các số liệu cho các nhà tài trợ, các nhà đầu tư theo yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận đã cam kết;
- d) Xây dựng các báo cáo theo các biểu được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức việc thu thập số liệu về các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp để lập và cung cấp cho Bộ Tài chính các báo cáo về nợ nước ngoài sau:

- a) Báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này;
- b) Hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm của doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực công và dự báo mức vay nước ngoài hàng năm của khu vực tư nhân;

c) Cung cấp định kỳ các báo cáo về cán cân thanh toán quốc tế và dự trữ ngoại hối phục vụ cho hoạt động giám sát tình trạng nợ nước ngoài của quốc gia theo quy định tại Quy chế xây dựng và quản lý hệ thống chỉ tiêu đánh giá, giám sát tình trạng nợ nước ngoài của quốc gia;

d) Xây dựng các báo cáo theo các biểu được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lập các báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Điều 6 Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định 134/2005/NĐ-CP và cung cấp cho Bộ Tài chính, bao gồm:

a) Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài dài hạn;

b) Chiến lược, quy hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

c) Báo cáo tình hình huy động và sử dụng vốn ODA hàng năm theo quy định hiện hành về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA.

4. Tổng cục Thống kê cung cấp định kỳ 6 tháng và hàng năm cho Bộ Tài chính các số liệu liên quan đến Tài khoản quốc gia, bao gồm:

a) GDP tính theo giá thực tế, giá so sánh;

b) Chỉ số giá cả tiêu dùng (CPI);

c) Trị giá kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập các báo cáo tổng hợp theo quy định tại Điều 34 Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 134/2005/NĐ-CP, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp 6 tháng và hàng năm tình hình vay, sử dụng vốn vay và trả nợ nước ngoài của ngành, địa phương mình;

b) Báo cáo về dự toán ngân sách của Bộ, địa phương hàng năm, trong đó nêu rõ dự kiến các khoản rút vốn vay nước ngoài, bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án theo đúng tiến độ chung về lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Chính phủ.

6. Các cơ quan cho vay lại có trách nhiệm thu thập tình hình, số liệu về các khoản vay về cho vay lại để lập và gửi các báo cáo định kỳ cho các cơ quan liên quan theo đúng quy định tại các thỏa thuận (hợp đồng) ủy quyền cho vay lại; Lập các báo cáo theo biểu được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quy chế này.

7. Các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm báo cáo về tình hình vay, trả nợ nước ngoài cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8. Các chủ chương trình, dự án ODA có trách nhiệm thực hiện thu thập và lập báo cáo về tình hình vay và trả nợ nước ngoài theo quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA.

Điều 8. Báo cáo tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ

Hàng năm, Bộ Tài chính tổng hợp tình hình vay và trả nợ nước ngoài của quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Dư nợ nước ngoài của quốc gia phân loại theo các tiêu chí quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Đánh giá tình hình thực hiện và kế hoạch vay và trả nợ nước ngoài hàng năm của Chính phủ (bao gồm nợ có bảo lãnh của Chính phủ).

3. Đánh giá tình hình thực hiện và kế hoạch vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

4. Tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực công và của cả nước.

Điều 9. Thời hạn nộp và gửi báo cáo tình hình, số liệu

1. Thời hạn các Bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo, số liệu, cho Bộ Tài chính, đồng thời gửi cho các cơ quan có liên quan:

a) Đối với các báo cáo 6 tháng đầu năm: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo chậm nhất là ngày 31 tháng 7 hàng năm. Sau khi tổng hợp báo cáo, Bộ Tài chính gửi cho các cơ quan có liên quan chậm nhất là ngày 31 tháng 8 hàng năm;

b) Đối với các báo cáo năm: các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo chậm nhất là ngày 15 tháng 02 của năm sau.

2. Thời hạn báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ:

Báo cáo quy định tại Điều 8 của Quy chế này sẽ được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi cho các cơ quan có liên quan trước ngày 31 tháng 3 của năm sau.

Điều 10. Chế độ bảo mật

Việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ nước ngoài quy định tại Quy chế này phải tuân thủ các quy định về bảo mật của Nhà nước.

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Thẩm quyền công bố thông tin về nợ nước ngoài

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố, cung cấp thông tin về tình hình vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ; vay, trả nợ nước ngoài của quốc gia theo quy định của pháp luật, thông qua hình thức phát hành Bản tin về nợ nước ngoài.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền công bố thông tin về nợ nước ngoài thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách, và phải đảm bảo tính nhất quán với các số liệu và tài liệu đã cung cấp cho Bộ Tài chính theo quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Trách nhiệm về công bố thông tin

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng Bản tin về nợ nước ngoài để công bố thông tin về nợ nước ngoài của Chính phủ, tình hình vay, trả nợ nước ngoài của quốc gia, tổ chức việc lưu trữ các Bản tin về nợ nước ngoài đã được công bố theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện công bố thông tin về nợ nước ngoài của quốc gia;

b) Quyết định hình thức, thời hạn và nội dung công bố thông tin về nợ nước ngoài thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách;

c) Tổ chức việc lưu trữ các số liệu tài liệu đã cung cấp cho Bộ Tài chính để thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hình thức phát hành Bản tin về nợ nước ngoài

1. Bản tin về nợ nước ngoài được Bộ Tài chính phát hành 6 tháng một lần bằng tiếng Việt và được dịch ra tiếng Anh dưới dạng ấn phẩm và dữ liệu trên Trang điện tử của Bộ Tài chính.

2. Các thông tin về nợ nước ngoài được công bố trong Bản tin gồm các biểu được quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quy chế này.

Điều 14. Kinh phí thực hiện công bố Bản tin về nợ nước ngoài

Kinh phí cho việc thực hiện in ấn, phát hành và công bố Bản tin về nợ nước ngoài bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của Bộ Tài chính./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I**TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 232/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

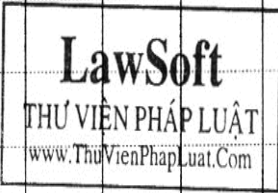
Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính

Số biểu	Tên biểu
1.01	Tổng hợp tình hình ký kết các khoản vay nợ nước ngoài của Chính phủ
1.02	Kế hoạch giải ngân nguồn vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ
1.03	Tình hình giải ngân nguồn vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ
1.04	Kế hoạch trả nợ nước ngoài của Chính phủ
1.05	Thực hiện trả nợ nước ngoài của Chính phủ
1.06	Tổng hợp tình hình cấp bảo lãnh Chính phủ
1.07	Nợ nước ngoài của khu vực công và của khu vực tư được khu vực công bảo lãnh
1.08	Kế hoạch rút vốn của các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh
1.09	Kế hoạch trả nợ của các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh
1.10	Dư nợ nước ngoài của Chính phủ
1.11	Dự nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh phân theo loại tiền

09692138

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KÝ KẾT CÁC KHOẢN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Năm.....

TÊN HIỆP ĐỊNH	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Ngày ký	Trị giá nguyên tệ	Loại tiền	Cơ chế sử dụng vốn		Điều kiện vay				Ghi chú
						Cấp phát	CVL	Thời hạn	Ân hạn	Lãi suất	Phí	
TỔNG CỘNG												
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC												
Song phương												
Áo												
Bỉ												
Trung Quốc												
Pháp												
Nhật Bản												
Liên bang Nga												
.....												



KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Năm.....

Đơn vị: quy USD

TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Tổng số		Mục đích sử dụng				Ghi chú
			Quy VND	Quy USD	Hỗ trợ Ngân sách			CVL	
					Cộng	Bằng tiền	XDCB		
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC									
Song phương									
Áo									
Bỉ									
Trung Quốc									
Pháp									
Nhật Bản									
Liên bang Nga									
.....									
Đa phương									
ADB									
IDA									

TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Tổng số		Mục đích sử dụng					Ghi chú
			Quy VND	Quy USD	Hỗ trợ Ngân sách				CVL	
					Cộng	Bằng tiền	XDCB	HCSN		
IMF										
.....										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										
Người nắm giữ trái phiếu										
Ngân hàng thương mại										
Tư nhân khác										

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI
CỦA CHÍNH PHỦ

Đơn vị: quy USD

TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Tổng số		Mục đích sử dụng					Ghi chú
			Quy VND	Quy USD	Hỗ trợ ngân sách				CVL	
					Tổng số	Bằng tiền	XDCB	HCSN		
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
Song phương										
Áo										
Bỉ										
Trung Quốc										
Pháp										
Nhật Bản										
Liên bang Nga										
.....										
Đa phương										
ADB										
IDA										

TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Tổng số		Mục đích sử dụng					Ghi chú
			Quy VND	Quy USD	Hỗ trợ ngân sách				CVL	
					Tổng số	Bảng tiền	XDCB	HCSN		
IMF										
.....										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										
Người nắm giữ trái phiếu										
Ngân hàng thương mại										
Tư nhân khác										

CỘNG BẢO

09692138

Số 01 ngày 01 - 11 - 2006
Số 02 ngày 01 - 11 - 2006

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Năm

Đơn vị: quy USD

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ, NƯỚC	Gốc	Lãi	Phí	Tổng	Quy VNĐ
A	1	2		3	4
TỔNG SỐ					
A. TRẢ BẰNG TIỀN					
I. Các Chủ nợ chính thức					
1. Các Chủ nợ Song phương					
.....					
.....					
.....					
2. Các Chủ nợ Đa phương					
.....					
.....					
.....					

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ, NƯỚC	Gốc	Lãi	Phí	Tổng	Quy VNĐ
A	1	2		3	4
II. Các chủ nợ tư nhân					
Người nắm giữ trái phiếu					
Ngân hàng thương mại					
Tư nhân khác					
B. TRẢ BẰNG HÀNG					
C. TRẢ KHÁC					

THỰC HIỆN TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Năm.....

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ, NƯỚC	KẾ HOẠCH NĂM					THỰC HIỆN NĂM				
	Gốc	Lãi	Phí	Tổng	Quy VNĐ	Gốc	Lãi	Phí	Tổng	Quy VNĐ
TỔNG SỐ										
A. TRẢ BẰNG TIỀN										
I. Các Chủ nợ chính thức										
1. Các Chủ nợ Song phương										
.....										
.....										
2. Các Chủ nợ Đa phương										
.....										
.....										
II. Các chủ nợ tư nhân										
Người nắm giữ trái phiếu										

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CẤP BẢO LÃNH CỦA CHÍNH PHỦ
Năm

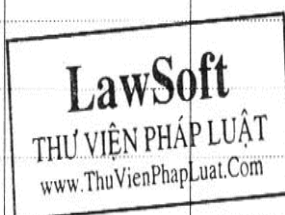
TÊN HIỆP ĐỊNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Ngày ký	Trị giá nguyên tệ	Loại tiền	Điều kiện vay				Phí bảo lãnh	Ghi chú
						Thời hạn	Ân hạn	Lãi suất	Phí		
TỔNG CỘNG											
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC											
Song phương											
Áo											
Bỉ											
Trung Quốc											
Pháp											
Nhật Bản											
Liên bang Nga											
.....											
Đa phương											
ADB											

TÊN HIỆP ĐỊNH, DỰ ÁN	Cơ quan chủ quản	Chủ dự án	Ngày ký	Trị giá nguyên tệ	Loại tiền	Điều kiện vay				Phí bảo lãnh	Ghi chú
						Thời hạn	Ân hạn	Lãi suất	Phí		
IDA											
IMF											
.....											
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN											
Người nắm giữ trái phiếu											
Ngân hàng thương mại											
Tư nhân khác											

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA KHU VỰC CÔNG VÀ CỦA KHU VỰC TƯ ĐƯỢC KHU VỰC CÔNG BẢO LÃNH
Năm.....

Đơn vị: USD

	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GỐC	LÃI	PHÍ	
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC						
Song phương						
Áo						
Bỉ						
Trung Quốc						
Pháp						
Nhật Bản						
.....						
Đa phương						
ADB						
IDA						
IFAD						



	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GỐC	LÃI	PHÍ	
	1	2	3	4	5	6
IMF						
NDF						
NIB						
OPEC						
CHỦ NỢ TƯ NHÂN						
Người nắm giữ trái phiếu						
Ngân hàng thương mại						
Chủ nợ khác						

KẾ HOẠCH RÚT VỐN CỦA CÁC KHOẢN VAY ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
Năm.....

Đơn vị: USD

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG					
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
Song phương					
Áo					
Bỉ					
Trung Quốc					
Pháp					
Nhật Bản					
.....					
Đa phương					
ADB					
IDA					
IFAD					

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
IMF					
NDF					
NIB					
OPEC					
CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
Người nắm giữ trái phiếu					
Ngân hàng thương mại					
Chủ nợ khác					

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Năm.....

Đơn vị: USD

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG					
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
Song phương					
Áo					
Bỉ					
Trung Quốc					
Pháp					
Nhật Bản					
.....					
Đa phương					
ADB					
IDA					
IFAD					
IMF					

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
NDF					
NIB					
OPEC					
CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
Người nắm giữ trái phiếu					
Ngân hàng thương mại					
Chủ nợ khác					

DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Năm.....

Đơn vị: USD

	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GỐC	LÃI	PHÍ	
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC						
Song phương						
Áo						
Bỉ						
Trung Quốc						
Pháp						
Nhật Bản						
.....						
Đa phương						
ADB						
IDA						
IFAD						
IMF						

	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GÓC	LÃI	PHÍ	
	1	2	3	4	5	6
NDF						
NIB						
OPEC						
CHỦ NỢ TƯ NHÂN						
Người nắm giữ trái phiếu						
Ngân hàng thương mại						
Chủ nợ khác						

Biểu số 1.11

**DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
PHÂN THEO LOẠI TIỀN
Năm**

	NĂM	
	QUY USD	%
AUD		
CAD		
CHF		
CNY		
DKK		
EUR		
GBP		
INR		
JPY		
KRW		
KWD		
MYR		
NOK		
NZD		
SDR		
SEK		
THB		
USD		
TOTAL		

09692138

Phụ lục II**TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 232/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Cơ quan thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Số biểu	Tên biểu
2.01	Tổng hợp tình hình đăng ký các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý
2.02	Nợ nước ngoài trung và dài hạn của doanh nghiệp
2.03	Nợ nước ngoài trung và dài hạn của doanh nghiệp phân theo loại tiền

09692138

Năm.....

[illegible]

NỢ NƯỚC NGOÀI TRUNG VÀ DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP
Năm.....

Đơn vị: triệu USD

	Số Dư đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ				Dư nợ cuối kỳ
			Gốc	Lãi	Phí	Tổng	
Trung và dài hạn							
Doanh nghiệp nhà nước							
Doanh nghiệp FDI							
Doanh nghiệp khác							
Ngắn hạn							
Tổng cộng							

Áp dụng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước quy định

Biểu số 2.03

**NỢ TRUNG VÀ DÀI HẠN NƯỚC NGOÀI
CỦA DOANH NGHIỆP PHÂN THEO LOẠI TIỀN**
Năm

LOẠI TIỀN VAY	Số Dư cuối kỳ	
	Quy USD	%
AUD		
CAD		
CHF		
CNY		
DKK		
EUR		
GBP		
JPY		
KRW		
KWD		
USD		
SDR		
THB		
Các loại khác		
Tổng		100,00%

Áp dụng tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước quy định

09692138

Phụ lục III**TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ CHO VAY LẠI TỪ NGUỒN VỐN
VAY NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 232/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan cho vay lại

Số biểu	Tên biểu
3.01	Nợ của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại
3.02	Kế hoạch rút vốn của các khoản vay nước ngoài về cho vay lại
3.03	Kế hoạch trả nợ của các khoản vay về cho vay lại
3.04	Thực hiện rút vốn vay về cho vay lại
3.05	Thực hiện thu hồi nợ cho vay lại

09692138

NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI

Năm.....

Đơn vị: USD

	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GỐC	LÃI + PHÍ	CỘNG	
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC						
Song phương						
Áo						
Bỉ						
Nhật						
Hàn Quốc						
.....						
Đa phương						
ADB						
IDA						
IFAD						

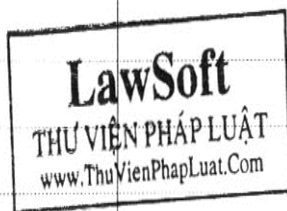
	DƯ NỢ ĐẦU NĂM	RÚT VỐN TRONG NĂM	TRẢ NỢ			DƯ NỢ CUỐI NĂM
			GÓC	LÃI + PHÍ	CỘNG	
	1	2	3	4	5	6
IMF						
NDF						
NIB						
OPEC						
CHỦ NỢ TƯ NHÂN						
Người nắm giữ trái phiếu						
Ngân hàng thương mại						
Chủ nợ khác						

KẾ HOẠCH RÚT VỐN CỦA CÁC KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VỀ CHO VAY LẠI

Năm.....

Đơn vị: USD

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG					
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
Song phương					
Áo					
Bỉ					
Nhật					
Hàn Quốc					
.....					
Đa phương					
ADB					
IDA					
IFAD					
IMF					



	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
NDF					
NIB					
OPEC					
CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
Người nắm giữ trái phiếu					
Ngân hàng thương mại					
Chủ nợ khác					

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ CỦA CÁC KHOẢN VAY VỀ CHO VAY LẠI
Năm.....

Đơn vị: USD

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG					
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
Song phương					
Áo					
Bỉ					
Nhật					
Hàn Quốc					
.....					
Đa phương					
ADB					
IDA					

	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	TỔNG
	1	2	3	4	5
IFAD					
IMF					
NDF					
NIB					
OPEC					
CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
Người nắm giữ trái phiếu					
Ngân hàng thương mại					
Chủ nợ khác					

THỰC HIỆN RÚT VỐN VAY VỀ CHO VAY LẠI
Quý.... năm.....

Đơn vị: USD

TÊN DỰ ÁN	TRỊ GIÁ VAY THEO HỢP ĐỒNG			RÚT VỐN VAY LẠI		
	Nguyên tệ	Loại tiền	Quy USD	Nguyên tệ	Loại tiền	Quy USD
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC						
Song phương						
Nước						
Dự án						
Dự án						
Nước						
Dự án						
Dự án						
Đa phương						
ADB						
Dự án						
Dự án						

THỰC HIỆN THU HỒI NỢ CHO VAY LẠI
Quý năm

Đơn vị: USD

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Gốc	Lãi + Phí	Cộng	Quy USD	Quy VND
	1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG						
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC						
Song phương						
Nước						
Dự án						
Dự án						
Nước						
Dự án						
Dự án						
Đa phương						
ADB						
Dự án						
Dự án						

TÊN DỰ ÁN	Loại tiền	Gốc	Lãi + Phí	Cộng	Quy USD	Quy VND
	1	2	3	4	5	6
IDA						
IFAD						
IMF						
NDF						
NIB						
OPEC						
CHỦ NỢ TƯ NHÂN						
Người nắm giữ trái phiếu						
Ngân hàng thương mại						
Chủ nợ khác						

Phụ lục IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 232/2006/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính

Số biểu	Tên biểu
4.01	Tổng dư nợ và trả nợ nước ngoài
4.02	Dư nợ, rút vốn và trả nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh
4.03	Tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh phân theo nhóm người cho vay và loại chủ nợ
4.04	Dư nợ nước ngoài của Chính phủ theo nhóm người cho vay, loại chủ nợ và nước hoặc tổ chức chủ nợ
4.05	Dư nợ nước ngoài của doanh nghiệp được Chính phủ bảo lãnh theo nhóm người cho vay, loại chủ nợ và nước chủ nợ
4.06	Dư nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh phân theo loại tiền
4.07	Nợ nước ngoài của Chính phủ theo nhóm người cho vay và loại chủ nợ
4.08	Nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh phân theo loại tiền
4.09	Rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh theo nhóm người cho vay và loại chủ nợ
4.10	Rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo phương thức rút vốn, nhóm chủ nợ và loại người cho vay
4.11	Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài hàng quý của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh theo nhóm chủ nợ và loại người cho vay
4.12	Chuyển giao thuần nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh theo nhóm người cho vay và loại chủ nợ

Số biểu	Tên biểu
4.13	Dòng tiền thuần và chuyển giao thuần nợ nước ngoài của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh theo nhóm người cho vay và loại chủ nợ
4.14	Dự kiến nghĩa vụ nợ hàng năm về nợ nước ngoài của Chính phủ theo nhóm người cho vay loại chủ nợ tính trên dư nợ tại thời điểm cuối năm báo cáo
4.15	Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ phân theo lãi suất vay
4.16	Tổng dư nợ và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp

TỔNG DƯ NỢ VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI
Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
DU' NỢ ⁽¹⁾										
Nợ của khu vực công										
Nợ của khu vực tư										
RÚT VỐN TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của khu vực công										
Nợ của khu vực tư										
TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của khu vực công										
Nợ của khu vực tư										
TỔNG TRẢ GỐC TRONG KỲ ⁽²⁾										

[illegible]

DƯ NỢ, RÚT VỐN VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI
 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
 (Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
DƯ NỢ ⁽¹⁾										
Nợ của Chính phủ										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
RÚT VỐN TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Chính phủ										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Chính phủ										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
TỔNG TRẢ GỐC TRONG KỲ ⁽²⁾										

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Nợ của Chính phủ										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
TỔNG TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Chính phủ										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
Nợ được Chính phủ bảo lãnh										
Các chủ nợ chính thức										
Song phương										
Đa phương										
Các chủ nợ tư nhân										
Người sở hữu trái phiếu										
Các Ngân hàng thương mại										
Các chủ nợ tư nhân khác										

DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
PHÂN THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY VÀ LOẠI CHỦ NỢ
Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD/tỷ VND, Áp dụng tỷ giá quy đổi vào thời điểm cuối kỳ)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
TỔNG CỘNG										
Các chủ nợ chính thức										
Song phương										
Đa phương										
Các chủ nợ tư nhân										
Người sở hữu trái phiếu										
Các Ngân hàng thương mại										
Các chủ nợ tư nhân khác										
Nợ của Chính phủ										
Các chủ nợ chính thức										
Song phương										

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Đa phương										
Các chủ nợ tư nhân										
Người sở hữu trái phiếu										
Các Ngân hàng thương mại										
Các chủ nợ tư nhân khác										
OPEC										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU										
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC										
TỔNG CỘNG	0,00	0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00

DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY,
 LOẠI CHỦ NỢ VÀ NƯỚC HOẶC TỔ CHỨC CHỦ NỢ

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm cuối kỳ)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
SONG PHU'ONG										
Áo										
Bỉ										
Trung Quốc										
Đan Mạch										
Phân Lan										
Pháp										
Nhật Bản										
Liên bang Nga										
.....										

DU' NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY, LOẠI CHỦ NỢ VÀ NƯỚC CHỦ NỢ

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm cuối kỳ)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
SONG PHƯƠNG										
Canada										
Phân Lan										
Nhật Bản										
Hàn Quốc										
Thụy Điển										
Mỹ										
ĐA PHƯƠNG										
NH đầu tư châu Âu										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										
Các ngân hàng thương mại										
Các chủ nợ tư nhân khác										
TỔNG CỘNG										

DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
PHÂN THEO LOẠI TIỀN

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
(Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi vào thời điểm cuối kỳ)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
AUD										
CAD										
CHF										
CNY										
DKK										
EUR										
GBP										
INR										
JPY										
KRW										
SDR										
SEK										
THB										
USD										

TỔNG CỘNG										

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY VÀ LOẠI CHỦ NỢ
Thời kỳ báo cáo: 6 tháng
(Triệu USD)

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ GÓC TRONG KỲ	TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ	DƯ NỢ CUỐI KỲ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI
	Áp dụng tỷ giá tại thời điểm đầu kỳ	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ	6=5-(1+2-3)
	1	2	3	4	5	6
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC SONG PHƯƠNG						
Áo						
Bi						
Trung Quốc						
Đan Mạch						
Phân Lan						
Pháp						
Nhật Bản						
Liên bang Nga						
.....						

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ GỐC TRONG KỲ	TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ	DƯ NỢ CUỐI KỲ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI
	<i>Áp dụng tỷ giá tại thời điểm đầu kỳ</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ</i>	6=5-(1+2-3)
	1	2	3	4	5	6
ĐA PHƯƠNG						
ADB						
IDA						
IFAD						
IMF						
NDF						
NIB						
OPEC						
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN						
NGƯỜI SỞ HỮU						
TRÁI PHIẾU						
CÁC NGÂN HÀNG						
THƯƠNG MẠI						
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC						
TOTAL						

NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH THEO LOẠI TIỀN

Thời kỳ báo cáo: 6 tháng
(Triệu USD)

	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ GỐC TRONG KỲ	TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ	DƯ NỢ CUỐI KỲ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI
	Áp dụng tỷ giá tại thời điểm đầu kỳ	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch	Áp dụng tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ	6=5-(1+2-3)
	1	2	3	4	5	6
AUD						
CAD						
CHF						
CNY						
DKK						
EUR						
GBP						
JPY						
KRW						

	DU' NỢ ĐẦU KỲ	RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ GỐC TRONG KỲ	TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ	DU' NỢ CUỐI KỲ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÀI
	<i>Áp dụng tỷ giá tại thời điểm đầu kỳ</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá của ngày giao dịch</i>	<i>Áp dụng tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ</i>	6=5-(1+2-3)
	1	2	3	4	5	6
KWD						
NOK						
NZD						
SDR						
SEK						
THB						
USD						
TỔNG CỘNG						

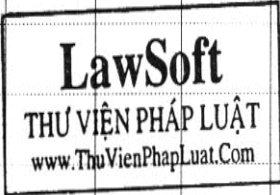
RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY VÀ LOẠI CHỦ NỢ

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
(Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi của ngày giao dịch)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
CHÍNH PHỦ										
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
SONG PHƯƠNG										
Áo										
Bỉ										
Đan Mạch										

ĐA PHƯƠNG										
ADB										
IDA										
IMF										

CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										



	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%	USD	%
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI										
CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH										
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC										
SONG PHƯƠNG										
Canada										
Nhật Bản										

ĐA PHƯƠNG										
EIB										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN										
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI										
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC										
TỔNG CỘNG										

RÚT VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
THEO PHƯƠNG THỨC RÚT VỐN, NHÓM CHỦ NỢ VÀ LOẠI NGƯỜI CHO VAY
Thời kỳ báo cáo: 1 năm chia thành 2 kỳ 6 tháng
(Triệu USD)

	Sáu tháng đầu năm				Sáu tháng cuối năm			
	Rút bằng tiền	Rút bằng hàng	Khác	Tổng cộng	Rút bằng tiền	Rút bằng hàng	Khác	Tổng cộng
TỔNG CỘNG								
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC								
Song phương								
Đa phương								
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN								
Chủ sở hữu trái phiếu								
Các Ngân hàng thương mại								
Các chủ nợ tư nhân khác								

NGHĨA VỤ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI HÀNG QUÝ
CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH
THEO NHÓM CHỦ NỢ VÀ LOẠI NGƯỜI CHO VAY
NĂM BÁO CÁO:

(Triệu USD; Áp dụng tỷ giá quy đổi của ngày giao dịch)

	Năm báo cáo			
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
NỢ CỦA CHÍNH PHỦ				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
SONG PHƯƠNG				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
ĐA PHƯƠNG				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN				

	Năm báo cáo			
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
NỢ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
SONG PHƯƠNG				
GỐC				

	Năm báo cáo			
	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
LÃI VÀ PHÍ				
ĐA PHƯƠNG				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG				
MẠI				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				
TỔNG CỘNG				
GỐC				
LÃI VÀ PHÍ				

**CHUYỂN GIAO THUẦN CỦA NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ
BẢO LÃNH THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY VÀ LOẠI CHỦ NỢ**

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD)

	2001	2002	2003	2004	2005
NỢ CHÍNH PHỦ					
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
SONG PHƯƠNG					
ĐA PHƯƠNG					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU					
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC					
NỢ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH					

	2001	2002	2003	2004	2005
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC					
SONG PHƯƠNG					
ĐA PHƯƠNG					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU					
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC					
TỔNG CỘNG					

	TỔNG RÚT VỐN TRONG KỲ	TRẢ GỐC TRONG KỲ	DÒNG TIỀN NỢ THUẦN	TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ	CHUYỂN GIAO NỢ THUẦN
	1	2	3	4	5
SONG PHƯƠNG					
ĐA PHƯƠNG					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN					
NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU					
CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI					
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN KHÁC					
TỔNG CỘNG					

DỰ KIẾN NGHĨA VỤ NỢ HÀNG NĂM VỀ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
THEO NHÓM NGƯỜI CHO VAY VÀ LOẠI CHỦ NỢ TÍNH TRÊN DƯ NỢ
TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM BÁO CÁO
Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm cuối năm báo cáo

	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...
NỢ CỦA CHÍNH PHỦ																
GỐC																
LÃI VÀ PHÍ																
CÁC CHỦ NỢ CHÍNH THỨC																
GỐC																
LÃI VÀ PHÍ																
SONG PHƯƠNG																
GỐC																
LÃI VÀ PHÍ																
ĐA PHƯƠNG																
GỐC																
LÃI VÀ PHÍ																
CÁC CHỦ NỢ TƯ NHÂN																
GỐC																

	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...	Năm...
LÃI VÀ PHÍ																	
NGƯỜI SỞ																	
HỮU TRÁI																	
PHIẾU																	
GỐC																	
LÃI VÀ PHÍ																	
CÁC NGÂN																	
HÀNG																	
THƯƠNG MẠI																	
GỐC																	
LÃI VÀ PHÍ																	
CÁC CHỦ NỢ																	
TƯ NHÂN																	
KHÁC																	
GỐC																	
LÃI VÀ PHÍ																	

CƠ CẤU DƯ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
PHÂN THEO LÃI SUẤT VAY

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo
(Triệu USD, Áp dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm cuối kỳ)

	Năm BC-4	Năm BC-3	Năm BC-2	Năm BC-1	Năm BC
TỔNG CỘNG					
LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH					
0% - 0.99%					
1% - 2.99%					
3% - 5.99%					
6% - 10%					
LÃI SUẤT THẢ NỔI					
LIBOR 6 THÁNG					
LÃI SUẤT THẢ NỔI CỦA NIB					

TỔNG DƯ NỢ VÀ TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA DOANH NGHIỆP

Thời kỳ báo cáo: 5 năm tính đến năm báo cáo

(Triệu USD, tỷ VND)

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
DƯ NỢ ⁽¹⁾										
Nợ của Doanh nghiệp nhà nước										
Nợ của Doanh nghiệp FDI										
Nợ của Doanh nghiệp khác										
RÚT VỐN TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Doanh nghiệp Nhà nước										
Nợ của Doanh nghiệp FDI										
Nợ của Doanh nghiệp khác										
TỔNG TRẢ NỢ TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Doanh nghiệp nhà nước										
Nợ của Doanh nghiệp FDI										
Nợ của Doanh nghiệp khác										
TỔNG TRẢ GỐC TRONG KỲ ⁽²⁾										

	Năm báo cáo - 4		Năm báo cáo - 3		Năm báo cáo - 2		Năm báo cáo - 1		Năm báo cáo	
	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND
Nợ của Doanh nghiệp nhà nước										
Nợ của Doanh nghiệp FDI										
Nợ của Doanh nghiệp khác										
TỔNG TRẢ LÃI VÀ PHÍ TRONG KỲ ⁽²⁾										
Nợ của Doanh nghiệp nhà nước										
Nợ của Doanh nghiệp FDI										
Nợ của Doanh nghiệp khác										

⁽¹⁾ Áp dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm cuối kỳ

⁽²⁾ Áp dụng tỷ giá quy đổi tại ngày phát sinh giao dịch